

Vài suy tư cuối năm về vấn đề
THAY ĐỔI VĂN HÓA

TÔN THẮT THIÊN

Mỗi lần Tết đến, và mọi người đều chuẩn bị “năm cũ bước qua năm mới,” những người quen suy ngẫm về các vấn đề của đất nước lại nhìn lại năm qua, và xét xem trong năm cái gì đã làm mình cho mình bận trí nhất. Riêng tôi, hồi tưởng lại, tôi thấy Văn hoá là vấn đề càng ngày càng làm cho tôi suy tư nhiều nhất. Không phải văn hoá thường được nói đến trong các dịp “hoạt động văn hoá,” “trao đổi văn hoá,” thường được ghép với văn nghệ, văn chương, hội họa, điêu khắc, múa hát, ca kịch, phim ảnh v.v... Văn hoá làm tôi suy ngẫm nhiều là loại bao gồm những giá trị, tư duy, tập quán, v.v... chi phối hành vi của con người, và định hướng đi của một quốc gia, một dân tộc.

Tôi suy tư nhiều về văn hoá vì một ưu tư khác của tôi là làm sao cải tiến đời sống của dân Việt Nam, đưa họ ra khỏi tình trạng đói rách, cơ cực hiện tại. Theo tôi, phát triển kinh tế là điều kiện căn bản của sự cải tiến đời sống của một nước. vì phát triển kinh tế là gia tăng sản xuất của hàng hoá và dịch vụ, về chất, lượng và loại, để có thể đáp ứng được nhu cầu của mọi người dân. Nhưng, muốn kinh tế phát triển, văn hoá của một quốc gia phải thích nghi với hiện đại.

Vấn đề then chốt là văn hoá, không phải chính trị. Những vấn đề chính trị, mới nhìn thì thấy nó có một tầm quan trọng rất lớn. Nhưng, nếu đi sâu vào vấn đề, thì ta thấy những nguyên do căn bản thật sự làm cho một quốc gia, một dân tộc mạnh, là tư tưởng đúng, và tinh thần công dân cao. Hai yếu tố này thuộc về lãnh vực văn hoá, hiểu theo nghĩa rộng của nó, nghĩa mà các học giả xã hội học và nhân chủng học thường dùng.

Những gì tôi suy nghĩ, nhận thấy, xin chia sẻ dưới đây cùng độc giả của Thế Kỷ 21.

Những điều tôi viết ra không hẳn là đúng, hay đúng hết. Nó có thể sai, một phần, hay toàn phần. Nhưng nó là kết quả của rất nhiều năm học hỏi, nhiều thì giờ nghiên cứu và suy ngẫm về một vấn đề mà tôi cho là căn bản, cần được giải quyết tốt, để cho nước Việt Nam, xã hội Việt Nam, và người

Việt Nam có điều kiện tiến lên, bắt kịp những quốc gia, những dân tộc đã qua mặt chúng ta và đi đằng xa ở phía trước.

Những suy tư của tôi về văn hoá xoay quanh vấn đề phát triển kinh tế, vì mục tiêu của thay đổi văn hoá là mở đường tiến cho xã hội, và kinh tế có phát triển thì những người trong xã hội mới có điều kiện – phương tiện đủ mọi loại – để cải thiện đời sống của họ.

*

Kinh tế và văn hoá có liên hệ với nhau. Đây là một nhận xét mà đa số sẽ không thấy cần bàn cãi, vì nó rất tầm thường. Nhưng nó đưa đến một nhận xét khác kém hiển nhiên hơn: phát triển kinh tế đòi hỏi phải thay đổi văn hoá. Nhận xét này có thể gây bất bề. Vì ba lý do: 1/ danh từ “thay đổi” có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau; 2/ “văn hoá” không được hiểu theo đúng nghĩa của nó, và 3/ thay đổi kinh tế thường được gắn liền với thay đổi chế độ và chính sách chính trị. Vậy, trước khi đi sâu vào vấn đề, những điểm này cần được minh định để tránh hiểu lầm.

Về “thay đổi văn hoá.” Động từ “thay đổi” là một động từ vừa cập vật, vừa bất cập vật, như động từ Pháp “changer,” hay Anh “change.” Ta có thể nói “changer quelque chose”/“change something” (transitif), hay “quelque chose change”/“something changes” (intransitif). Dùng tiếng Việt, ta có thể nói “nó phải thay đổi thái độ,” theo nghĩa cập vật, hay “thái độ nó đã thay đổi,” theo nghĩa bất cập vật. Rõ ràng là nghĩa của hai câu này khác nhau.

Cũng có người đã hiểu “Thay ĐỔI” là “Thay THỂ,” và phản ứng mạnh khi thấy nói đến “thay đổi văn hoá Việt nam,” vì họ hiểu theo nghĩa hẹp: dẹp bỏ toàn bộ văn hoá Việt Nam, tạo ra một chỗ trống, và đem toàn bộ một văn hoá khác, ví dụ văn hoá Mỹ, chêm vào chỗ trống đó. Đối với những người này, ai nói đến “thay đổi văn hoá” là muốn vứt bỏ hết “bốn nghìn năm văn hiến” của Việt Nam để thay thế nó bằng “the American

way of life.” Đó là một ý nghĩ vớ vẩn.

Không thể thay đổi toàn bộ

Ái có chút tri thức về các môn khoa học nhân văn – nhân chủng học, xã hội học, tâm lý học, — hay kinh tế, chính trị, luật học, cũng biết rằng trong suốt lịch sử nhân loại không hề có chuyện thay thế văn hoá, vì con người, cũng như xã hội, có một sức ù lỳ kinh khủng. Kinh nghiệm của Lenin, Stalin, Mao, và gần ta hơn, Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Đỗ Mười v.v... muốn xoá bỏ hoàn toàn xã hội “cũ” và con người “cũ,” để thay thế nó bằng một xã hội và một con người hoàn toàn “mới”, xã hội và con người “xô viết” của Lê-nin, và “xã hội chủ nghĩa” của Hồ Chí Minh, là minh chứng của nhận xét đó. Họ đã tận dùng mọi cách tuyên truyền, và xử dụng tối đa “bạo lực cách mạng,” nhưng rốt cục họ đã thất bại một cách ngoạn mục.

Vậy, cần nói rõ rằng thay đổi văn hoá ở đây chỉ là thay đổi VỀ văn hoá, theo nghĩa bất cập vật nếu chú ý đến xã hội hơn, và theo nghĩa cập vật nếu chú ý đến cá nhân hơn — thêm cái này, bớt cái kia, sửa chỗ nọ, nhiều ít tùy nhu cầu, để cho kinh tế có thể tiến được dễ dàng. Nhưng có người sẽ hỏi: tại sao không dùng danh từ “sửa đổi”? Vì “thay đổi” nghĩa rộng hơn là “sửa đổi”; nó hàm ý cắt, bỏ, nhưng, như đã nói ở trên, nếu có cắt bỏ, sự cắt bỏ này chỉ áp dụng vào một phần nào đó chớ không cho chớ toàn bộ của văn hoá.

Chủ đích của cuộc thay đổi là phát triển kinh tế, vì kinh tế Việt Nam có phát triển, thì lợi tức quốc gia mới gia tăng, xã hội Việt Nam mới có thêm hàng hoá và dịch vụ đủ mọi loại, về chất lẫn lượng. Có vậy, đời sống dân chúng mới, cải thiện, dân Việt Nam mới ra khỏi cảnh nghèo đói, thiếu thốn, tụt hậu, và nước Việt Nam mới đủ sức để đương đầu với ngoại bang được. Lúc đó, khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh, một xã hội văn minh,” mới không phải là một khẩu hiệu rỗng tuếch.

Tốt, xấu, thích nghi

Thoạt nhìn, thay đổi kinh tế là một vấn đề chính trị: chỉ cần thay đổi chính sách, và chính sách sẽ thay đổi thay nếu chế độ chính trị và lớp người cầm quyền thay đổi. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, nhìn dài hạn và rộng hơn, nhận xét trên đây không đúng, nhứt là khi vấn đề được đặt ra là *phát triển kinh tế*, chớ không phải *chính sách kinh tế*. Trong khi kinh tế chỉ là một khía cạnh của

hoạt động của xã hội, phát triển kinh tế liên quan đến tất cả các khía cạnh của đời sống của xã hội. Phần khác, nó là kết quả của động tác của toàn thể xã hội trong thời gian dài, trong khi chính sách kinh tế chỉ là động tác của một chính phủ, một phần nhỏ của xã hội, mà quyền thế lại giới hạn trong thời gian.

Tưởng cũng cần nhấn mạnh rằng vấn đề ở đây không phải là xét định văn hoá Việt Nam trước kia, hay hiện nay, “tốt” hay “xấu”. Câu hỏi cần trả lời chỉ là: văn hoá “cổ truyền/truyền thống” và hiện tại của Việt Nam có thích hợp nữa hay không, nghĩa là có thích nghi với hiện đại, có khả năng giải quyết các vấn đề thiết yếu của xã hội Việt Nam hiện nay hay không?

Nói: ngày nay cần “thay đổi văn hóa,” không phải là nói rằng văn hóa Việt Nam trong quá khứ toàn là xấu, là dở. Trái lại, văn hoá đó đã làm cơ sở cho Việt Nam trở thành một quốc gia có cơ chế vững chắc và những giá trị đã hướng dẫn dân tộc Việt Nam rất hữu hiệu trong công cuộc chống xâm lăng từ phương Bắc và nhất là mở mang bờ cõi về phương Nam trong nhiều thế kỷ. Những cơ chế và giá trị đó thích hợp với tình trạng thời đó. Nhưng từ cuối thế kỷ XVII, và nhứt là từ 1850, vào Triều Tự Đức, tình hình đổi khác, và văn hóa này không còn thích hợp nữa. Đó là do nó thiếu hẳn một số nét được coi là biểu hiệu của một nền văn minh “hiện đại,” một khái niệm mà ta cần xét kỹ.

Chúng ta quen thấy văn hóa kẹp với văn nghệ, văn chương, hội họa, điêu khắc, múa hát, ca kịch, và phim ảnh trong các cụm từ “hoạt động văn hóa,” “trao đổi văn hóa.” Nhưng khái niệm “văn hóa” bao gồm nhiều lãnh vực hơn vậy nhiều.

Một vấn đề phức tạp

Từ *Điện Tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, có đến năm định nghĩa của danh từ “văn hóa.” Định nghĩa chính là: “Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.” Những định nghĩa phụ đề cập đến những hoạt động của con người; tri thức, kiến thức khoa học; trình độ sinh hoạt xã hội; quá khứ. Từ điển Mỹ và Pháp (Webster, Larousse) cũng đưa ra nhiều định nghĩa đề cập đến nhiều khía cạnh rất khác nhau của văn hóa.

Định nghĩa trong các từ điển trên đây có một điểm chung nổi bật. Đó là: văn hóa là một khái niệm đa dạng; nó là tổng thể của nhiều khía cạnh khác nhau của hành vi con người trong tư cách

thành viên của một cộng đồng xã hội. Những hành vi đó phản ánh thái độ, tâm lý, trong những lãnh vực tư duy, tín ngưỡng, cư xử với kẻ khác (cùng cộng đồng hay khác cộng đồng – quốc gia, chủng tộc, tôn giáo...), cách tiếp cận về các hoạt động kinh tế, giáo dục (bản thân và con cái), cách thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, hệ thống ưu tiên giá trị, v.v... Như vậy, muốn cứu xét văn hóa một cách đứng đắn phải sưu khảo nhiều ngành học: nhân chủng, xã hội, chính trị, kinh tế, luật, sử, khoa học kỹ thuật, v.v... Rõ là một vấn đề rất phức tạp.

Vì văn hóa là một khái niệm phức tạp, nên cứu xét văn hóa cũng phức tạp. Khởi đầu là một cuộc xét lại. Cuộc xét lại này phải hết sức tường tận, về chiều sâu cũng như chiều rộng. Nó phải bao hàm suốt chiều dài lịch sử, và mọi lãnh vực của sinh hoạt vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam. Và quan trọng hơn cả, nó phải hết sức khách quan. Trong công cuộc xét lại này, người nghiên cứu không được để cho tình cảm cá nhân hay đoàn thể, hay tự ái dân tộc, ảnh hưởng đến sự phân tích và phán xét của mình.

Mục đích của việc cứu xét trên đây là nhận dạng và liệt kê những gì tốt, những gì xấu, những ưu điểm và khuyết điểm của xã hội, dân tộc, và con người Việt Nam trong viễn cảnh phát triển kinh tế, cái gì còn thích hợp, cái gì hết thích hợp trong viễn cảnh này.

Dân tộc, xã hội, con người Việt Nam có những ưu điểm, khuyết điểm, tính tốt, tính xấu gì? Trong *Tổ Quốc Ân Năn*, anh Nguyễn Gia Kiểng đã có đề cập đến vấn đề này nhiều. Những nhận xét của anh ấy rải rác trong tác phẩm. Nhân dịp điểm sách này, tôi đã gom góp nó lại, và nó đã chiếm một trang đầy. Vì không đủ chỗ, và tránh lặp lại tôi không chép bản liệt kê đó ở đây. Để nhường chỗ cho một tác giả khác, anh Đỗ Thông Minh. Gần đây anh Minh đã bàn khá chi tiết về vấn đề này, trong *Thế Kỷ 21*.

Tính xấu của người Việt

Bài của anh Minh mang tít: “Người Việt mạnh yếu ở chỗ nào?” và anh đã can đảm nhìn thẳng vào vấn đề. Đi từ nhận định: “nói chung dân tộc ta kém xa các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới,” anh đặt câu hỏi: “làm sao dân tộc ta cứ mãi lậm than, khốn khổ như vậy?” Để trả lời câu hỏi căn bản này, anh nhìn về phía văn hoá, và lại hỏi: “Văn hoá Việt có những ưu khuyết điểm nào?”

Anh Minh nêu ra một số tính tốt, mà tôi thấy không cần bàn ở đây, ngoại trừ cảnh cáo rằng,

như đã nói ở trên, khi phán xét “tốt”, “xấu”, ta phải nhớ tốt và xấu cần phải xét theo tiêu chuẩn có thích hợp với điều kiện hiện đại hay không. Có cái trước kia tốt nhưng nay lại bị coi như xấu, và ngược lại, vì điều kiện hiện đại đã đổi thay.

Anh Minh chú ý hơn về một số tính xấu mà anh cho rằng đã làm cho dân Việt có một trình độ văn hoá thấp, “sinh ra lãnh đạo tồi chỉ biết xâu xé nhau, sinh ra chiến tranh, và chiến tranh mới đào sâu thêm hố chia rẽ làm lụn bại dân tộc.” Về phương diện này, anh còn gay gắt hơn anh Nguyễn Gia Kiểng nữa. Theo anh, “những người Việt dường như bị nhiễm nhiều tính xấu ở mức độ rất trầm trọng”... Vì thiếu chỗ không thể lặp lại ở đây tất cả những gì anh Minh nói. Đoạn trích sau đây cho ta ý niệm về những phán xét của anh ấy.

Anh viết:

“Người Việt có những tính xấu gì? Có thể nói là thiếu ý chí, thiếu sáng tạo, thiếu nghiên cứu, thiếu mạo hiểm, thiếu tầm nhìn xa, nói dối quanh, ít nhận lỗi, thiếu trật tự, thiếu nguyên tắc, thiếu tôn trọng của công, ăn cắp vặt, tự cao, tự ty, ý lại, nặng nề tin, mau chán, thiếu tinh thần dân chủ vì độc đoán ít dung hợp ý kiến người khác, lúc nào cũng có cả trăm lý do để trễ hoặc không giữ lời hứa, nặng tình cảm mà thiếu lý trí, tinh thần địa phương, tôn giáo... Nhưng đáng kể nhất là thói ích kỷ và nhất là đố kỵ, đó là những tật lớn nhất đã làm cho người Việt không đoàn kết, hợp quần, tiến nhanh lên được.”

Ngoài ra, anh Minh còn nhận thấy người Việt “sức lực kém, làm việc hay qua loa tắc trách, đại khái nếu không nói là cầu thả, nên nói chung năng xuất kém...hình như không muốn bất cứ một luật lệ nhỏ nào ràng buộc mình. Cứ làm đại, làm càn, đến đâu hay đó... tư tưởng yếm thế... thiếu khôn ngoan về một tầm nhìn xa cho đất nước,... không biết cần rằng chịu nhục [để tiến, như Nhật bản]...tìm cách hạ nhau, coi thành công của người khác là thiệt hại của mình...” Anh ghi nhận rằng người Việt “hiếu học,” nhưng đó chỉ là một số nhỏ, còn đa số thì “nặng tình thân từ chương, chỉ biết tri thức chuyên môn..., dễ tin, nên dễ bị lừa... luôn luôn nặng tình cảm, đôi khi đến độ che mờ lý trí.” Người Việt ở ngoại quốc thì “tri thức thăng tiến bội phần, nhưng chỉ có một phần nhỏ quan tâm đến đất nước, còn phần lớn mạnh ai nấy lo làm giàu cá nhân”.

Anh Minh kêu gọi “hãy cùng nhau nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình, để may ra có sửa chữa, thăng tiến hơn.” Nhưng anh thực tế nhận định: “Đã trễ lắm rồi. Bây giờ mà sửa chữa thì

may ra vài chục năm hay cả trăm năm sau mới bắt đầu có kết quả.”

Cần đồng thuận

Những nhận xét của anh Đỗ Thông Minh, cũng như của anh Nguyễn Gia Kiểng, tuy sâu sắc, nhưng tất nhiên chỉ là những nhận xét của hai cá nhân. Chúng ta cần có nhận xét của rất nhiều người khác để so sánh, phối kiểm, thảo luận, để đi đến một sự đồng thuận lớn về các khuyết điểm của người Việt, và phương thức đối phó hữu hiệu với vấn đề này.

Tới một lúc nào đó, càng sớm càng tốt, một Ủy ban lớn và nặng cân cần được thiết lập để nghiên cứu vấn đề này, gồm đại diện của tất cả các giới, trí thức, giáo dục, tôn giáo, phụ mẫu, kinh doanh, lao động... Ủy ban này phải cứu xét vấn đề một cách nghiêm túc, đưa ra những đề nghị cụ thể và được sự đồng thuận rộng rãi, về những thay đổi cần thiết, cùng những cơ quan cần thiết để thi hành những biện pháp được chấp thuận. Những cơ quan này phải có tính cách dài hạn, thành phần của nó phải là những người trí thức rộng và tiến bộ, được kính nể, trung lập, không phụ thuộc các thay đổi chính trị, vì một kế hoạch thay đổi văn hoá có thể dàn dãi ra hàng chục năm, như anh Minh đã nhấn mạnh ở trên.

Một điều mà Ủy ban nói trên cần làm là cầu sự giúp đỡ của chuyên viên của các quốc gia đã thành công trong lớn công cuộc canh tân, hoặc đã vươn mình lên vượt qua được những trở ngại lớn lao (bại trận, bị chiếm đóng), hay từ bao nhiêu thế kỷ vẫn vững tiến đều đều, nhờ có tinh thần công dân và kỷ luật cao (kỷ luật đây hiểu theo nghĩa tự giác, chứ không phải làm theo luật pháp vì có ông cảnh sát đứng gần bên). Chuyên gia các nước này, như Nhật Bản, Đức Quốc, Thụy Sĩ, có thể giúp ta dự thảo một kế hoạch giáo dục thích hợp để huấn luyện dân chúng, đặc biệt là trẻ em từ ngay lớp mẫu giáo, sao cho có được tinh thần công dân và kỷ luật, mà tôi cho là điều kiện cơ bản, không thể thiếu được, trong công cuộc xây dựng lại một xã hội Việt Nam vững vàng, tiến bộ, lành mạnh, đáng kính, đáng yêu, sau một thời gian đã bị tụt hậu và băng hoại vì bao nhiêu năm bị đô hộ, chiến tranh, và nay, “xã hội chủ nghĩa.”

Khó khăn lớn

Một trong những khó khăn lớn, nếu không nói là khó khăn lớn nhất, trong việc thay đổi văn hoá của một quốc gia như Việt Nam trong điều kiện hiện đại là làm sao cho đại đa số dân chúng, thuộc

giới có ưu thế – có địa vị xã hội, có tài sản, có học thức, thường có xu hướng muốn giữ nguyên trạng –, cũng như giới thường dân, lao động hay nông dân ở những vùng xa lánh – trình độ học vấn thấp, kinh nghiệm thế giới không có, thường có xu hướng bảo thủ, và có sức ù lý rất lớn – chịu chấp nhận những sự thay đổi cần thiết, mà không cần dùng đến nói láo, hay bạo lực, hai phương thức chỉ có tác động ngược đích. Đó là khó khăn căn bản, mà giải quyết đòi hỏi nhiều thời gian, kiên nhẫn, thiện chí, và khéo léo.

Khó khăn lớn thứ hai là thực hiện một cuộc thay đổi văn hoá sâu rộng đòi hỏi phải có một chính quyền mà lớp người lãnh đạo không những sáng suốt, biết nhìn xa, cương quyết, trong sạch, thiết tha với tiền đồ dân tộc, và đồng thời có sức lôi cuốn quần chúng, được quốc dân kính phục, trọng nể, tín nhiệm và sẵn sàng đi theo. Rủi thay, hiện nay ta không có một chính quyền như vậy.

Chính quyền đương tại là chính quyền do một nhóm lãnh đạo cộng sản “cơ chế”, không được dân chúng ưa thích, kính nể và tín nhiệm, vì họ không đáp những điều kiện nêu trên. Nằm dưới cơ chế của Đảng và Nhà nước, họ đã nhân danh cơ chế xử dụng uy thế và quyền lực để cột tay, bịt miệng những người “cộng sản lý tưởng” và dựng lên một chế độ độc tài toàn trị, thối nát, nhằm phục vụ quyền lợi ích kỷ của họ. Một trong những hậu quả của sự kiện này là xã hội Việt Nam đã bị đẩy vào một tình trạng hỗn loạn, băng hoại càng ngày càng trầm trọng hơn, làm cho cuộc thay đổi văn hoá phải sâu rộng hơn, nghĩa là phức tạp, khó khăn hơn. Sự tiếp tục trị vì của lớp lãnh đạo cộng sản cơ chế và chủ nghĩa xã hội kiểu bôn-sơ-vích hiện tại là chướng ngại trước mắt lớn nhất trong công việc thay đổi văn hoá Việt Nam. Ngày nào mà chướng ngại này chưa được dỡ đi thì mọi cố gắng nhằm thay đổi văn hoá Việt Nam để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của dân chúng sẽ ở tình trạng tắc nghẽn.

Tuy nhiên, có một điều vẫn có thể làm được, là: những người có thiện chí, ưu tư về tương lai dân tộc, trí thức rộng, có khả năng phân tích, với tư cách cá nhân, hay tốt hơn, thành phần của một nhóm, chịu để thì giờ nghiên cứu vấn đề và công bố lên kết quả của những sưu khảo, cùng những nhận xét của mình, như các anh Đỗ Thông Minh và Nguyễn Gia Kiểng đã làm, để các người khác có dữ kiện để so sánh, thảo luận, suy ngẫm thêm, và chuẩn bị những đề nghị, giải pháp thích hợp, để có thể đưa ra ngay khi chướng ngại nói trên được dỡ đi.

Ottawa, tháng 12, 2002